

VỀ GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM VỚI ẢNH HƯỞNG NHO GIÁO

TRẦN ĐÌNH HỢU

Sau nhiều năm hầu như mọi suy nghĩ đều hướng vào quốc hữu hóa, tập thể hóa, xã hội hóa, gần đây vấn đề gia đình dần dần nổi lên, thu hút sự chú ý của nhiều người. Có lý do trước mắt là nhiều hiện tượng tích cực trong xã hội liên quan đến thanh thiếu niên, nếu cuộc sống gia đình yên vui hơn thì đã có thể ngăn chặn bớt. Việc phát triển kinh tế gia đình trong nền kinh tế nhiều thành nhân cũng thúc đẩy mọi người quan tâm đến gia đình, lo tổ chức lại gia đình để thích ứng với sự đổi mới cách làm ăn trong xã hội. Sự quan tâm của nhiều người cũng còn vì một lý do nhằm mục đích lâu dài hơn. Chế độ xã hội chủ nghĩa đã hình thành đến ba thập kỷ nhưng tổ chức xã hội chưa thành nề nếp hài hòa, ổn định. Một khâu yếu trong đó là gia đình bị xáo trộn, thành tạm bợ, các thành viên không tìm được ở đó một tổ ấm để nghỉ ngơi, để có thêm sự thư thái, sự phấn chấn, điều mà gia đình truyền thống trước đây đã đưa lại. Nghiên cứu kỹ gia đình truyền thống để suy nghĩ về gia đình mới là một hướng cần quan tâm trong nghiên cứu xã hội học. Gia đình truyền thống trước đây chịu ảnh hưởng nhiều ở Nho giáo, một số trong đó - loại gia đình nề nếp hay gia đình lễ nghĩa - được xây dựng theo tinh thần Nho giáo. Vì lẽ đó nói đến gia đình truyền thống Việt Nam không thể bỏ qua ảnh hưởng Nho giáo trong đó.

I

GIA ĐÌNH VIỆT NAM VÀ ẢNH HƯỞNG NHO GIÁO

Gia đình là một tổ chức rất xa xưa, bắt nguồn từ quan hệ nam nữ, từ việc sinh đẻ con cái rất tự nhiên, về sau trong lịch sử mới thay đổi thích ứng với phương thức sản xuất, với cơ chế chính trị - xã hội, với nền văn hóa... Cho nên Việt Nam là vùng đất Đông Nam Á, từ trước đã là vùng sông hồ, cây lúa nước chịu ảnh hưởng văn minh Nam Á. Văn minh Trung Hoa mà phần tiêu biểu là tư tưởng Nho giáo là cái đến sau. Tuy đến sau nhưng sớm thành chính thống. Nho giáo gây ảnh hưởng theo cách toàn bộ từ trên xuống tức là bằng con đường Nhà nước đi vào xã hội mà đi vào từng gia đình. Ảnh hưởng rất sâu sắc vì không chỉ thông qua việc du nhập một thể chế chính trị, những hình thức văn hóa mà qua cả một cơ chế kinh tế, một quan hệ sản xuất. Trải qua một ngàn năm Bắc thuộc và cả mười thế kỷ độc lập, nhất là từ thế kỷ XV về sau cho mãi đến thế kỷ XIX. Nho giáo được truyền bá liên tục, ngày càng thấm sâu vào cuộc sống càng ảnh hưởng nhiều đến tổ chức gia đình Việt Nam.

Nho giáo là học thuyết quan tâm đến cõi người hơn là thế giới tự nhiên, thế giới siêu hình, khuyên con người sống và ứng xử trong các quan hệ xã hội, xa lánh việc mê

tín quý thần và những chuyện thờ cúng nhằm nhí. Trật tự xã hội, theo cách quan niệm của Nho giáo là một trật tự có tính nhà nước, phụ thuộc vào thể chế chính trị. Trên đỉnh cao của trật tự đó là Thiên tử, vị hoàng đế con trời. Thiên tử là đáng chí tôn không chỉ vì là người đứng đầu cai trị đất nước mà còn là người được Trời lựa chọn, người trực tiếp nhận mệnh trời. Nhân danh mệnh Trời, thiên tử giành cho mình quyền sở hữu về tất cả và coi mọi người là thần dân: “Thiên tử lấy thiên hạ làm nhà mình”. Với tất cả những cái đó trong tay, thiên tử coi mình có quyền và có trách nhiệm sắp xếp cho mọi người đều có phân, vị, nói cụ thể là mỗi người đều có một cương vị, căn cứ vào đó mà có phận, tức là có quyền hành và lợi lộc tương ứng giống như việc làm của người gia trưởng chia công việc và lợi tức trong gia đình cho con cháu vậy. Không những quan lại được ban chức tước, theo cấp bậc mà hưởng bổng lộc mà cả nhân dân cũng chia ra các hạng để được chia ruộng đất. Nhìn vào vị và phận người ta thấy một trật tự trên dưới rõ rệt trong toàn xã hội. Đó là sự thống nhất thiên hạ về một mối mà cũng là sự chiếm đoạt toàn bộ cho một người.

Sự chiếm hữu toàn bộ bằng danh nghĩa (quyền vương hữu và thần dân hóa toàn thể) thực hiện bằng lực lượng quân sự, bắt kẻ yếu phải thần phục và duy trì bằng quyền lực nhà nước không đòi hỏi chiếm đoạt cá nhân từng phần sức lao động và của cải. Thực hiện sự thống trị như vậy chỉ cần thiết lập trật tự phân vị tức là sắp xếp cho những người mới quy phục vào thang bậc thích hợp dưới kẻ chiến thắng (phong chức tước cấp bổng lộc) và ban bố quy chế cống nạp chứ không đòi hỏi phải xáo trộn tổ chức kinh tế - xã hội không cần làm tan rã công xã. Công xã được chuyển thành làng xã. Ruộng đất của công xã thành ruộng công, tức là của nhà nước, của vua nhưng vẫn giao cho làng xã quân cấp để thực hiện việc thiên tử ban cấp ruộng đất cho thần dân. Người nhận ruộng, ngoài việc đóng góp như trước phải nộp thêm thuế, làm nghĩa vụ thần dân với vua. Làng xã được liên kết thành quận huyện, những đơn vị hành chính, những đơn vị thực hiện nhiệm vụ cống nạp của nhà nước, thống thuộc vào một lãnh thổ không gặp quá nhiều khó khăn để thành rộng lớn và thống nhất. Chính quyền tập trung, lãnh thổ thống nhất và đi đôi với chúng là cách cai trị dựa vào bộ máy quan lại đã ra đời sớm, không đợi trải qua một quá trình dài từ chế độ chiếm hữu nô lệ và phong kiến phân quyền. Thân phận “thần dân”, nghĩa vụ cống nạp tô thuế cho chính quyền thống nhất không đề cao thành nguyên tắc quyền tư hữu, không làm yếu cuộc sống cộng đồng, và ý thức về sở hữu công cộng.

Làng đã từ là một công xã chuyển thành đơn vị hành chính của nhà nước nhưng lại giữ trong mình nó sở hữu công cộng, thiết chế và tập tục cũ thành một thế giới riêng. Tuy đã gia nhập vào cuộc sống chung của cả nước nhưng làng xã vẫn là những thực thể riêng, tạo thành biên giới cho hoạt động của những gia đình, những con người trong đó. Làng xã vẫn là đơn vị tổ chức đời sống xã hội.

Nho giáo là học thuyết chuộng gốc, nhớ nguồn rất coi trọng việc lấy lòng hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ và thờ cúng tổ tiên, coi trọng giòng giống, họ hàng. Giữa những người thân thuộc họ nội và họ ngoại không chỉ có quan hệ tình cảm mà còn có trách nhiệm với nhau, có những nhiệm vụ chung, có những trách nhiệm liên đới với nhau nữa. Mỗi người không chỉ có quan hệ với những người trong gia đình: ông bà, cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái mà còn có những quan hệ với những người trong họ: chú, bác, cô, cậu, dì và con cháu của họ. Họ được sắp xếp có thứ bậc trên dưới đến chín đời: từ bản thân cho đến bốn đời ở phía trên là cha, ông, cố, can và bốn đời ở phía dưới là con, cháu chắt, chít. Đó là thể chế cử tộc chú ý phân biệt cả ngành trưởng, ngành thứ, ngành trên, ngành dưới, tức là

con cháu của người anh hay người em trong những đời trước. Với những bà con gần gũi “trong nội thân” như vậy có những qui định theo lễ hay những nề nếp theo tục lệ về đi lại thăm viếng vào những dịp nhất định, về thời gian để tang, trách nhiệm dự cúng tế, giỗ chạp và kèm theo là những trách nhiệm quan tâm đến nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Trách nhiệm như vậy không chỉ là với những người trong họ nội mà cả với những người họ ngoại: họ đằng vợ, họ đằng mẹ, họ đằng bà... Thế làm mỗi người đều nằm trong một mạng lưới rất phức tạp về họ hàng; không nắm vững phổ hệ đằng nội, đằng ngoại thì không thể xưng hô và cư xử cho đúng phép tắc được. Vì nhiệm vụ thờ cúng tổ tiên, giữ gìn phần mộ, vì cùng nhau cấy cấy ruộng hương hỏa, tự điền, vì phải tìm kiếm sự tương trợ của bà con, họ hàng nên người cùng họ thường sống quây quần với nhau và giữa họ cùng hình thành một thứ tổ chức không chỉ có ý nghĩa đối nội mà còn có cả ý nghĩa đối ngoại với làng nước. Người tộc trưởng và các bậc cha chú trong họ chịu trách nhiệm tinh thần về con cháu, về người trong họ như người gia trưởng đối với con cháu trong gia đình. Làng thực tế là gồm một số họ. Điều đó được vận dụng từ lâu vào tổ chức hành chính làng xã: hoặc kết hợp một số thành “giáp” một thứ đơn vị dưới làng xã, hoặc dựa vào người tộc trưởng và các bậc cha chú trong họ mà thực hiện sự phân bổ nhiệm vụ đóng góp cho dân xã. Quan hệ họ hàng có ý nghĩa chi phối trong đời sống của đơn vị hành chính làng xã.

Về lý thuyết Nho giáo không dành cho làng xã sự quan tâm đặc biệt. Nho giáo chủ trương: “Gốc của thiên hạ ở nước; gốc của nước ở nhà; gốc của nhà ở mỗi người (thân)”. Mỗi người nỗ lực tu dưỡng đạo đức thì nhà sẽ êm ấm, trật tự mà nhà êm ấm trật tự thì đất nước sẽ bình trị. Đất nước bình trị không chỉ nói về mặt chính trị mà nói cả mặt xã hội, mặt đạo đức, văn hóa. Nho giáo không phân biệt rạch ròi quan hệ chính trị, nhà nước, quan hệ xã hội với quan hệ gia đình. Ở phạm vi rộng nhất thiên tử coi thiên hạ - đất nước, thần dân - là nhà mà ở phạm vi hẹp nhà bao gồm cả bà con, tôi tớ. Lý tưởng của Nho giáo là thực hiện một xã hội bình trị: thống nhất, ổn định, trật tự và hòa mục. Biện pháp là tu thân, tề gia, trị quốc. Công việc có ý nghĩa quan trọng hàng đầu là trị quốc nhưng trị quốc theo kiểu tề gia. Thiên hạ phải được quy về một mối vào thiên tử. Quan hệ vua và thần dân tức là quan hệ giữa người cai trị và bị cai trị, quan hệ nhà nước đã thành chủ yếu, nhưng quan hệ đó đồng thời cũng là một thứ quan hệ cha - con, thầy - trò. Trong cõi người tồn tại một đạo lý phổ biến và vĩnh hằng biểu hiện thành nhân luân tức là đạo cha - con, anh - em, chồng - vợ, vua - tôi, bạn bè. Trong năm quan hệ đó ba cái đầu thuộc phạm vi gia đình: quan hệ vua - tôi là quan hệ nhà nước nhưng lại đồng dạng với quan hệ cha - con, quan hệ bạn bè là quan hệ xã hội nhưng lại đồng dạng với quan hệ anh - em. Tất cả đều hình dung có trật tự trên dưới. Trong đời sống xã hội trật tự trên dưới được thiết lập căn cứ vào sự phân biệt thân sơ về mặt họ hàng, già trẻ về tuổi tác và sang hèn về chức tước, về vị trí xã hội. Những người trên thành hàng cha chú và người dưới thành hạng con em. Người trên, kể cả vua quan, người cầm quyền về mặt nhà nước, đối xử với người dưới như cha đối với con; và người dân đối xử với người trên, kể cả cách quan hệ giữa người dân với vua quan, giống như con đối với cha mẹ. Trên phải “từ” tức là thương yêu, nuôi nấng và dạy dỗ mà dưới phải “hiếu” tức là nghe lời, phụng dưỡng và biết ơn. Người cầm quyền phải coi trách nhiệm hàng đầu là giáo hóa, trước hết là làm cho mọi người biết hiếu để. Như thế là đòn nhân luân, hậu phong tục, làm cho con người từ chỗ trong gia đình biết kính nhường cha anh mà vào xã hội cũng biết kính trên nhường dưới giữ hòa mục, không tranh giành, không ngộ nghịch. Đó là cách tề gia để trị quốc. Biện pháp đó không chỉ nhằm làm cho mọi gia đình êm ấm để xã hội thanh bình mà còn nhằm xây dựng một xã hội bình trị theo mẫu của gia đình êm ấm.

Nho giáo là một học thuyết căn cứ vào gia đình để hình dung thế giới, theo mô hình gia đình êm ấm để xây dựng xã hội lý tưởng, Con người do đó nhìn chung là con người của gia đình. Từ thiên tử cho đến dân thường, ai ai cũng lấy tu thân làm gốc (Đại học); việc tu dưỡng đạo đức của mọi người căn bản là rèn luyện phẩm chất của con người gia đình đó. Gia đình được Nho giáo đặc biệt chú ý không chỉ vì nó quan tâm đến việc xây dựng gia đình, đề cao vai trò của gia đình trong đời sống xã hội mà còn vì nó chủ trương tổ chức nhà nước và xã hội theo mẫu gia đình.

Gia đình truyền thống ở Việt Nam chịu ảnh hưởng Nho giáo sâu sắc, nhưng tìm ảnh hưởng đó không nên chỉ căn cứ vào lý thuyết Nho giáo mà nên nhìn gia đình trong thể chế chính trị - kinh tế xã hội tổ chức và quản lý theo Nho giáo, bị điều kiện hóa trong thể chế đó mà vận động phát triển. Theo chúng tôi những điều kiện đó là:

- Chế độ chuyên chế với quyền vương hầu, quyền thần dân hóa toàn thể với nền kinh tế công nạp.
- Trật tự trên dưới theo phân vị.
- Tổ chức làng - họ.
- Cuộc sống nông thôn và cung đình.

Sự giáo hóa sâu rộng về trách nhiệm với vua với nước, về tình nghĩa gia đình họ hàng, về lý tưởng sống êm ấm trên kính dưới nhường, về quyền người đàn ông người cha, người chồng.

Những điều kiện thực tế đó qui định việc hình thành các loại gia đình, quan niệm về vị trí và chức năng xã hội, về các quan hệ, về cách làm ăn, cách sống, cách xây dựng các loại gia đình.

Ảnh hưởng Nho giáo đến gia đình truyền thống Việt Nam là lâu dài và liên tục cho đến khi Việt Nam thành thuộc địa của Pháp và xã hội Việt Nam bắt đầu Âu hóa. Nhưng ảnh hưởng đó cũng có khác nhau tùy từng thời kỳ, từng vùng và từng loại gia đình. Trong việc nghiên cứu gia đình truyền thống và ảnh hưởng Nho giáo trong đó, cũng chỉ một vài loại gia đình thực sự có ý nghĩa.

II

KINH TẾ CÔNG NẠP VÀ CÁC LOẠI GIA ĐÌNH

Tác động đến sự phân hóa thành các loại gia đình truyền thống là cơ chế chính trị - kinh tế của chế độ chuyên chế mà biểu hiện cụ thể, trực tiếp là việc quân cấp công điền, nộp tô cho nhà nước (thuế), là trật tự phân vị, là tổ chức làng - họ.

Ruộng đất về danh nghĩa thuộc sở hữu của vua nhưng bộ phận gọi là công điền vẫn để nguyên theo làng xã để quân cấp cho dân bản quán. Làng xã là đơn vị quản lý, quân cấp ruộng đất công và thu tô thuế nộp cho nhà nước. Cầm quyền và thu tô thuế trên một lãnh thổ rộng lớn, nhà vua cần có một bộ máy quan lại và đội quân thường trực để bảo vệ vương quyền, giữ gìn an ninh và đôn đốc việc thu tô thuế từ các làng xã. Về mặt kinh tế bộ máy chính quyền đó không làm nhiệm vụ quản lý, tổ chức sản xuất, khai thác mà chỉ khuyến bảo trồng dâu cấy ruộng tức là động viên nhân dân sản xuất, phân bố và đốc thúc bắt phu, thu thuế. Nhân dân theo hộ gia đình mà nhận ruộng công cấy cấy và nộp thuế. Nhà nước không thu thuế theo từng người, từng hộ mà thu thuế theo làng xã. Làng xã không chỉ là đơn vị hành chính mà còn là cấp quản lý ruộng đất,

làm trung gian giữa người cấy ruộng và nhà nước. Công điền không phải nhiều, không phải là tất cả ruộng đất, chia cho mỗi hộ cũng không được bao nhiêu. Nhưng đó là dấu hiệu của trách nhiệm nuôi dân của vua, là lý do bắt mọi người cảm kích về công ơn “tác đất ngọn rau ơn chúa”, là căn cứ để đòi hỏi tô thuế và lòng trung nghĩa. Nhà nước có pháp luật bảo vệ công điền, giữ cho sợi dây đó giữa vua và dân được bền chặt: cấm chấp chiếm công điền, cấm biến công điền thành tư điền. Thuế nộp bằng thóc, bằng tiền và bằng cả lực dịch (đi phu, đi sâu) có số lượng nhất định trước cho mỗi làng. Cho nên vua quan và làng xã đều không khuyến khích, thậm chí là ngăn cản không cho dân thoát ly khỏi làng, làm cho ruộng không bị bỏ hoang, dân đình đủ để phục dịch. Việc quản lý hộ khẩu giữ chặt chẽ. Những người nghèo khi lưu tán, tha hương cầu thực, hương lý có trách nhiệm phải gọi về. Với người dân, cấy công điền không phải có nhiều lợi lộc nhưng điều đó cũng là bằng chứng về quyền làm dân làng, dân nước không phải là dân lang thang, du thủ du thực, ngụ cư không có quê hương.

Nhà nước không coi mỗi người dân là độc lập mà coi nó là người của làng này làng nọ, gánh vác việc chung theo làng. Cho nên vào làng - ghi tên vào sổ hộ khẩu của làng - nhận phần đất của làng là việc quan trọng. Nhiều người phải cạy cục, chịu tổn kém để giành giật được quyền đóng góp với làng nước đó. Công điền chi phối việc tổ chức gia đình thành hộ sản xuất và gắn bó họ với làng xã. Con người phụ thuộc vào hộ, vào làng xã. Quan hệ giữa gia đình và làng xã không đơn giản chỉ là quan hệ với nơi cư trú, với một đơn vị hành chính.

Sản phẩm làm ra một phần để lại cho người cấy ruộng, một phần cho làng xã và một phần nộp thuế. Thuế cho nhà nước cũng là tô cho nhà vua. Nhà vua dùng một phần phân phối cho quan lại và binh lính. Như thế là người sản xuất hưởng theo lao động còn quan lại và binh lính hưởng ơn vua lộc nước. Đó là nội dung “dân được cấp ruộng, quan được cấp lộc” theo trách nhiệm nuôi dưỡng thần dân của ông vua “lấy thiên hạ làm nhà”. Sự phân biệt quan dân về mặt nhà nước dẫn đến sự phân biệt hộ nhà quan, hộ nhà dân, gia đình nhà quan, gia đình nhà dân, phân biệt không chỉ trong nguồn thu nhập, trong hưởng thụ. Trong xã hội phân vị do trên sắp đặt, trật tự trên dưới không căn cứ vào sở hữu của cải mà vào danh vị. Theo danh, theo vị mà mọi người có lợi, được phân chia ruộng đất hay bổng lộc như trên đã nói. Ngoài ra, cũng căn cứ vào danh vào vị mà mọi người có quyền được chọn kiêu nhà, được dùng màu quần áo, được đi đứng, ăn nói, giữ chỗ ngồi nơi công cộng với những nghi trượng với những điệu thức khác biệt nhau. Gia đình nhà quan và gia đình nhà dân do đó tổ chức khác nhau, sống khác nhau vì “quan dân lẽ cách”.

Trong xã hội trước đây thuộc hộ nhà dân không chỉ có những gia đình nông dân, thợ thủ công. Bộ máy quan lại được tuyển theo khoa cử. Trong xã hội có một tầng lớp người không chọn con đường sản xuất làm ăn mà chọn con đường công danh: suốt đời đi học mong thi đỗ để làm quan. Đó là tầng lớp sĩ phu. Sĩ phu chưa phải là quan để được phân phối tô thuế, hưởng bổng lộc. Nhưng đó là lớp dân được ưu đãi. Triều đình đã có chính sách nuôi kẻ sĩ, trọng kẻ sĩ. Họ được tổ chức sĩ hội, cấy học điền, tế Khổng Tử; học điền được miễn tô thuế và bản thân họ được miễn đao dịch, tức là đi phu, đi sâu. Khi đã thi đỗ, nếu không làm quan, làng xã cũng trích ruộng công làm ruộng biếu không phải nộp thuế. Trong làng xã họ được vị nể, được trọng vọng, được biếu xén. Trong thang bậc phân vị, các “thầy” đứng cao hơn nông dân. Trong gia đình và trong đời sống xã hội tầng lớp sĩ phu đó sống cũng khác người cấy ruộng.

Dân có 4 hạng : Sĩ, nông, công, thương. Nhưng quan trọng nhất vẫn là nông và sĩ: “nhất sĩ, nhì nông”. Thợ thủ công và người buôn bán bị xếp vào hạng thấp và cũng

chưa có vai trò đáng kể trong đời sống kinh tế và xã hội. Với sự tồn tại của ruộng công của từng làng xã, người dân phụ thuộc vào đó, ở quây quần trong làng, cày trên cánh đồng của làng, gắn bó với cây đa giếng nước của làng, lớn lên cũng lấy vợ lấy chồng trong người làng, không những sống cách biệt với người làng khác mà còn cách biệt cả với người ngụ cư, ở nhờ không có gốc gác ở làng nữa. Làng lại càng có vẻ biệt lập vì xung quanh thường có lũy tre che kín, trong cách sống thường có những tục lệ làm người khác e ngại khi tiếp xúc. Trong làng đóng kín như vậy, người cày có ít ruộng để sản xuất phần vì công điền được chia không nhiều, phần vì địa giới làng xã ngăn cản, khó mua bán ruộng đất ở làng xã khác. Làm vườn, trồng trọt hay chăn nuôi đều nhắm tụt tụt, ít nghĩ đến sản xuất hàng hóa để trao đổi. Kể cả hàng thủ công cũng chỉ sản xuất theo nhu cầu dân làng, tiêu thụ trong mấy làng xã gần nhau. Việc trao đổi mua bán chỉ là về số sản vật thừa ít ỏi và tiến hành ở các chợ quê nhiều mà lèo tèo. Thương nghiệp trong thực tế đó gặp rất ít nhiều khó khăn. Hàng hóa đã ít lại phân tán. Đường giao thông đã ít lại xấu, vận chuyển đã khó khăn lại kém an ninh. Nhà nước coi nông nghiệp ở làng xã là gốc nước, có chính sách sách ức thương, xã hội khinh rẻ nghề buôn bán mà quan lại lại sách nhiễu đòi biếu xén, ép mua rẻ. Trong ý thức kinh tế của xã hội tiền thuê và tiền lời chưa thành có ý nghĩa lớn. Tuy tục ngữ cũng nói nghề buôn làm giàu nhanh “nhất bản vạn lãi” nhưng không ai coi đó là cách kiếm ăn tốt đẹp và vững chắc lâu dài. Cả đất nước là một biển mênh mông những thôn xóm cô lập. Chỉ ở những lý trấn tỉnh huyện mới có những chợ búa tương đối lớn, có hàng quán, có nhà trọ. Cho nên đối lập với nông thôn là cung đình ở kinh đô và các lý chân tỉnh huyện. Chưa có công thương nghiệp phát triển để những đô thị với những tầng lớp thị dân đông đảo có cách sống riêng. Loại gia đình thị dân công thương chưa thành có ý nghĩa lớn trong đời sống xã hội. Có lẽ cũng đã xuất hiện một thực tế hơi khác ở những lý trấn và làng xã ven sông có đường giao thông đường thủy lợi thuận tiện nối liền với các thị trấn có nhiều hoa kiều đến ở tập trung buôn bán như Thăng Long, Phố Hiến, Hội An, Gia Định, nhưng thực tế đó hình như cũng chưa tác động sâu đến tận gia đình truyền thống.

Từ thực tế phân tích ở trên ta có thể phân biệt gia đình truyền thống Việt Nam thành hai loại lớn: quan hộ và dân hộ. Quan hộ là những gia đình có phận vị cao sống bằng danh vị, bổng lộc. Tiêu biểu cho loại đó là gia đình quan lại, Hoàng gia và gia đình quý tộc đã là loại đặc biệt. Dân hộ là những người thuộc phận vị thấp song theo các nghề khác nhau. Trong xã hội trước đây nông dân và nhà nho có vai trò xã hội lớn nhất, gia đình nông dân và gia đình nhà nho cũng là tiêu biểu nhất. Gia đình nông dân đặc biệt là gia đình trung nông tiêu biểu cho cách tổ chức làm ăn sản xuất nông nghiệp nhằm tụt tụt và đóng góp cho làng nước. Gia đình nhà nho tiêu biểu cho cách dùng lễ nghĩa xây dựng nề nếp trong nhà và ăn ở với họ hàng làng xóm.

Gia đình nông dân.

Ruộng đất từng làng xã chỉ có ít, công điền lại càng ít; quân cấp - chia đều cho mọi dân làng (thực ra là có phân biệt giữa các hạng dân, nhưng cách biệt không thật nhiều) - làm cho mọi người dính đến sản xuất nông nghiệp mà thiếu ruộng cày. Trong làng xã tuyệt đại bộ phận là những hộ nông dân nghèo. Mỗi hộ để tự nuôi sống và đóng góp cho làng nước, thực hiện nhiệm vụ công nạp tô thuế, đều phải làm thêm công việc khác. Hoặc là chăn nuôi, làm vườn, hoặc là làm thủ công nghiệp như dệt vải, đan lát. Cũng có người buôn vật thêm ở chợ, có người phải làm thuê hay săn bắt, hái lượm ở núi rừng hay sông hồ. Đời sống của những gia đình đó hết sức gieo neo, nhà cửa rách

nát, ăn mặc thiếu thốn. Có đời sống khá giả trong làng xã là những địa chủ, phú nông và trung nông. Loại này chỉ chiếm rất ít trong dân làng. Ngoài phần ruộng công họ có thêm ruộng tư, hoặc do cha ông để lại hoặc họ tự khai khẩn hoặc họ mua được. Pháp luật cho phép khai khẩn đất hoang và mua bán ruộng đất (trừ công điền) nhưng ruộng đất trong làng ít nên giá đất và ít người chịu bán nên có thêm 1000 mét vuông là rất khó khăn. Ba loại gia đình vừa kể có ruộng đất đủ cày cấy hay thừa một ít thuê người làm hay cho người làm thuê nộp tô. Dầu là trung nông, phú nông hay địa chủ kể cả những địa chủ có nhiều ruộng đất, thì sản xuất nông nghiệp của họ cũng mang tính chất riêng lẻ chứ không hợp tác, tự túc chứ không sản xuất hàng hóa trao đổi. Trong việc làm vườn, trồng cây, chăn nuôi, nuôi tằm dệt vải... họ đều nhắm trước họ cung cấp đủ cho gia đình, thừa mới đem bán. Các gia đình đó còn mong tự túc cả công cụ lao động nữa. Chỉ không làm được mới phải thuê làm và mua sắm. Mỗi gia đình đều gắng tự làm lấy tránh vay mượn, nhờ vả. Nhân công rẻ nhưng cũng tránh thuê làm. Không ai nghĩ đến việc hùn vốn, đổi công để có năng suất cao hơn. Cửa cải thừa, thóc lúa thì chất vào kho, tiền thì dấu vào sập hay chôn xuống đất. Họ tích trữ, có thể cho vay lãi chứ không chuyển thành hàng hóa, thành vốn kinh doanh. Đi theo phương hướng tự lực và tự túc những người thiếu thốn và những người còn mong phát triển sản nghiệp thường lo làm nhiều nghề, thu nhập từ nhiều nguồn, còn những gia đình đã giàu có, các gia đình địa chủ thường chỉ tập trung vào nông nghiệp. Trung nông, phú nông và địa chủ có khác nhau về lao động và bóc lột nhưng gia đình họ, nhất là cách tổ chức, quản lý gia đình thì đều là gia đình nông nghiệp mà tiêu biểu là gia đình trung nông.

Đặc điểm của các gia đình đó là có đủ phương tiện sản xuất, có đủ sức lao động và sắp xếp làm ăn có qui củ. Sản nghiệp có đủ ruộng vườn, trâu bò, công cụ, có nhà kho, có bếp, có chuồng gia súc. Nhiều nhà còn có cả vườn cây, ao cá nữa. Trong nhà có đến ba bốn lao động khỏe mạnh, siêng năng. Những gia đình đó đều có nhiều việc làm, thiếu sức lao động nên mong có lắm con, nhiều cháu nên thường cưới vợ sớm cho con trai. Gia đình trung nông thường cho ta thấy hình ảnh mẫu mực về sự phồn vinh thôn quê: nhà cửa khang trang có nhà ngói, sân gạch, giếng xây, chuồng trại, nhà kho bằng gỗ. Tất cả từ nhà đến sân, đến ngõ, đến vườn đều sạch sẽ ngăn nắp. Người nhà đông và làm ăn đều tay, có nhiều thứ sản vật nào lúa, nào khoai, nào đỗ... đủ ăn, đủ tiêu và làm trọn việc đóng góp việc họ, việc làng. Thế là đình tài lưỡng vượng: Tuy có nhiều điều kiện thuận lợi nhưng họ cũng không có tham vọng giàu sang, sống dư dật. Sản xuất trồng trọt vốn năng suất thấp và bấp bênh. Cho nên gia đình trung nông thường theo cách làm ăn siêng năng chăm chỉ cần cù chịu khó và tiết kiệm, luôn luôn tích trữ đề phòng tình trạng thất bát, đói kém. Gia đình trung nông là một gia đình đơn vị tổ chức để sản xuất. Trong gia đình mọi người già trẻ đều được sắp xếp có công việc làm cho nên cần có một người chỉ huy việc làm ăn, thạo việc và kiên quyết đồng thời cần một người nội trợ đảm đang chăm lo việc cung cấp ăn mặc chu đáo. Người chỉ huy công việc có thể là người đàn ông nếu công việc chính là cày cấy mà cũng có thể là đàn bà nếu công việc chính là chăn nuôi dệt vải. Mà gia đình trung nông thì phương tiện sản xuất không phải dồi dào thường là do nhiều nghề, thu nhập từ nhiều nguồn mà sung túc.

Công việc của một hộ nông dân, một gia đình trung nông nhiều nhưng tương đối giản đơn. Nhiệm vụ chính là sắp xếp lực lượng lao động trong gia đình để sản xuất. Trong xã hội gia đình đó không cần đến nhiều quan hệ phức tạp. Họ có thể tự túc tự lực, không có nhu cầu được họ hàng làng xóm đùm bọc tương trợ như các gia đình thiếu thốn. Cho nên đối ngoại họ chỉ cần đóng góp đầy đủ vào việc làng việc nước và cư xử biết điều không gây xích mích ác cảm là được. Làng xóm đối với những gia đình

làm ăn chăm chỉ cũng chỉ có quý mến. Họ chưa là giàu, chưa có thể lực để có nhiều khả năng giúp đỡ bà con xóm giềng để có những quan hệ rộng rãi phức tạp. Điều kiện phải có ở loại gia đình “cần kiệm khởi gia” - lấy siêng năng và tiết kiệm mà làm cho nhà nên nổi - như vậy chủ yếu là ở nội bộ: cả nhà hòa thuận, mọi người nghe theo người chủ gia đình, gắn bó với nhau để làm việc. Thành viên ở các gia đình đó là những nông dân lao động chất phác nên thường cũng không có đòi hỏi gì cao xa đặc biệt nên cũng dễ hòa hợp trong quan hệ cha- con, anh - em, vợ chồng nếu có va chạm thì cũng thường chỉ do tị nạnh về công việc nặng nhẹ về hưởng thụ ít nhiều là những điều mà người gia trưởng gương mẫu và công minh thường tránh được và biết cách giải quyết không khó khăn. Làm chủ gia đình điều hành việc làm ăn ở một hộ như vậy người gia trưởng tất phải tích cực tháo vát, nhưng phần lớn làm nghề cổ truyền dựa vào kinh nghiệm, sức khỏe, sự khéo tay nên không đòi hỏi tài kinh doanh năng động mà đòi hỏi sự am hiểu công việc, giàu kinh nghiệm và tài sắp xếp. Cái chính để làm ăn nên nổi vẫn là cần kiệm nên người gia trưởng gương mẫu và thúc ép con cháu làm việc cật lực và ăn tiêu dè xẻn. Nhiều gia đình phú nông, địa chủ làm điều đó đến mức độc ác.

Gia đình nhà nho.

Trong thực tế của nền kinh tế cống nạp (quân cấp công điền nộp tô thuế, phân phối bao cấp theo phân vị) có loại gia đình sản xuất tự túc, cống nạp như loại gia đình nông dân vừa nói ở trên mà cũng có loại gia đình sống trông chờ vào sự phân phối bao cấp số tô thuế đã nộp cho nhà vua. Đó là gia đình quan lại. Gia đình nhà nho chưa được hưởng bổng lộc vua ban nhưng cũng sống bằng danh vị. Nói cho đúng thì họ sống dựa vào sự ưu đãi trong trật tự phân vị và chỉ mới ở phạm vi làng xã. Quan lại đã được cấp bổng lộc, tổ chức gia đình chủ yếu theo hướng để hưởng ơn vua lộc nước, một thứ ân huệ thấm nhuần không chỉ đến bản thân, gia đình mà còn có khi đến có họ hàng “Một người làm quan cả họ được cậy”. Nhà nho chưa có lộc nước, cũng còn phải làm ăn, nhưng họ chọn cách kiếm ăn khác với nông dân, không nhắm vào nguồn thu nhập từ sản xuất mà từ phân phối. Gia đình họ tổ chức để học hành, thi đỗ và làm quan.

Khác với gia đình nông dân, gia đình nhà nho không tổ chức thành đơn vị sản xuất. Trong nhà người chủ gia đình không quan tâm đến sản nghiệp và cả gia đình cũng không coi việc thu nhập về sản xuất có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Đàn ông là chủ gia đình nhưng dầu nhiều tuổi hay ít tuổi cũng chỉ chú ý đầu vào đèn sách. Việc tần tảo nuôi sống gia đình trông cậy ở tay người vợ. Cảnh thơ mộng của những gia đình như thế là “Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ”. Cuộc sống thực tế dựa vào quay tơ nhưng lại đặt cả hy vọng cải thiện vào đọc sách. Rất nhiều gia đình loại đó, vì uy tín xã hội của họ, có vợ rất đảm đang. Họ không quen việc đồng áng nhưng giỏi việc trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, chăn nuôi và làm vườn là những nghề có thu nhập cao hơn cày cấy. Những người đàn bà đó thực tế là những nội tướng tài giỏi chèo chống việc nhà, thực sự là chủ gia đình, sắp xếp mọi chuyện trong gia đình. Họ cũng nhận ruộng công và có thể có cả ruộng tư, cũng cày cấy để tự túc nhưng tô thuế đối với họ có phần khoan giảm (ruộng biếu, ruộng học được miễn thuế, học trò không phải đi phu...) và nhiều khi những lao động nặng nhọc có bà con xóm giềng làm giúp. Gia đình nhà nho sống không phải dựa vào vị mà vào danh, vào thế vào uy tín, vì vị nể nên được biếu xén giúp đỡ.

Gia đình loại này hình thành thường bắt đầu từ một gia trưởng học giỏi, đỗ đạt nhờ đó mà có uy tín, danh vọng, một thứ thế lực tinh thần trong họ, trong làng. Con

cháu truyền nhau giữ nghiệp nhà thành dòng dõi, gia thế, xa gần kính nể. Khác với gia đình nông dân gia đình nhà nho có quan hệ xã hội rộng. Ngoài họ hàng bà con, xóm giềng còn có nhiều bè bạn, học trò có cả những gia đình có cả nhiều cố hữu tức bạn bè từ đời trước. Cho nên trong việc nhà của loại này việc giao tế đi lại thăm viếng và tiếp đãi khách khứa nhiều khi còn quan trọng hơn cả những việc khác. Đó mới là chỗ biểu hiện thể thống gia đình. Cái làm nên giá trị, xác định vị trí xã hội, cái mà họ quan tâm nhất là gia thanh, gia phong, gia thế. Theo tinh thần Nho giáo các gia đình đó lấy lễ nghĩa để củng cố nó. Gia thanh, gia phong, gia thế là những cái mà các gia đình nhà nho ra sức giữ gìn “giấy rách thì giữ lấy lề”. Nhiều khi vì thế mà thành chuộng nghi lễ hình thức. Dầu thực tế đã thành nghèo hơn vẫn cố làm ra phong lưu để giữ thể thống gia đình.

Nếu gia đình nông dân là tổ chức để thích ứng với kinh tế tự túc, cống nạp thì gia đình nhà nho là để thích ứng với xã hội phân vị. Tục ngữ nói: “Ruộng bèo bèo không bằng nghề cầm tay”: sở hữu không quan trọng bằng nghề nghiệp nhưng nghề nghiệp cũng không quan trọng bằng danh vị. Gia đình nhà nho là loại không chọn hướng sở hữu, hướng nghề nghiệp mà chọn hướng danh vị. Nhà nho trong thực tế có thể thành thầy, thành thân sĩ, thành quan. Gia đình nhà nho vừa mô tả, theo tôi là có ý nghĩa tiêu biểu. Không phải tất cả nhà nho đều thuộc loại thân sĩ, quan lại sống bằng danh vị bổng lộc; nhưng gia đình nhà nho với hai loại gia đình vừa kể cũng có nét tương đồng là xây dựng theo tinh thần Nho giáo. Nho giáo ảnh hưởng sâu đến loại gia đình nhà nho nhưng cũng thấm vào toàn bộ xã hội, tức là ảnh hưởng đến cả gia đình nông dân ở một số mặt. Cả hai loại gia đình đó cho ta thấy hình ảnh chung của gia đình truyền thống Việt Nam.

III

GIA ĐÌNH NỀ NẾP VÀ VIỆC DÙNG LỄ NGHĨA ĐỂ LÀM CHO GIA ĐÌNH HÒA THUẬN

Nho giáo coi trọng nguồn gốc, dòng giống coi gia đình gắn chặt với họ hàng, coi tuyệt tự, mất dòng giống là tội lỗi với tổ tiên, là sự bất hạnh lớn nhất. Xây dựng gia đình êm ấm không chỉ là để cho bản thân và các thành viên khác có hạnh phúc mà còn là việc quan trọng để xây dựng xã hội. Nhà nho nghĩ nếu mình không giúp được gì cho dân cho nước thì ít nhất cũng giữ được gia đình mình có nề nếp, không “tê gia” được, để cho gia đình lộn xộn, lục đục là một sự nhục nhã.

Gia đình tập hợp những người cùng giòng máu, cái quý là được đông đúc, đông con, nhiều cháu. Nhưng gia đình cũng quý ở chỗ có thanh thế cho nên trong nhà cũng tính cả con nuôi, tôi tớ. Khi là một hộ trong quan hệ với làng nước thì khái niệm gia đình có mở rộng ra bao gồm cả những quan hệ không máu mủ như vậy. Không chỉ người lao bộc sống đến hết đời mà cả những người đầy tớ lấy vợ, lấy chồng ra ở riêng vẫn có tình nghĩa gắn bó với chủ theo một quan hệ gia đình. Gia đình muốn là thịnh vượng thì thường thích sống quây quần, sống chung nhiều thế hệ. Cho nên trước đây người ta rất tự hào gia đình đông đúc, bữa ăn nấu bằng nồi to, mâm cơm đông người nhà đông con cháu mà sống hòa thuận. Xây dựng một gia đình như vậy không chỉ tính đến cuộc sống trước mắt mà còn phải nghĩ qua năm đời thì con cháu thành một họ nhỏ (tiểu tôn) cần có nhà thờ, ruộng hương hỏa, tự điền... Gia đình nhiều thế hệ cần có một quỹ chung rất lớn đáp ứng đòi hỏi chi tiêu về ăn mặc, nuôi người già, trẻ con, tế lễ giỗ chạp, khách khứa... của cải làm ra để chung, do người nắm tay hòm chìa khóa trong

nhà phân phối, những thành viên trong gia đình cần tiêu gì thì phải xin. Thanh niên nhất là những cô dâu mới về nhà chồng thường chịu khổ sở về điều đó. Nhiều nhà để cho con cái làm riêng thêm để gây dựng lưng vốn tiêu riêng. Những cặp vợ chồng trẻ thường sống dựa vào bố mẹ mà cũng không nhiều người muốn ra ở riêng.

Nhà đông người dễ sinh ra nhiều mối bất hòa phức tạp. Để làm cho gia đình hòa mục Nho giáo chủ trương dùng lễ nghi để thể chế hóa làm cho mỗi thành viên theo đó mà cư xử, tự kiềm chế không để xảy ra xích mích phải cần đến người gia trưởng phân xử. Lễ nghĩa cũng nhằm đưa lại cái hòa, cái đẹp trong các quan hệ gia đình.

1. Các quan hệ trong tổ chức gia đình

Nho giáo chủ trương một gia đình có chủ và chủ là đàn ông. Họ nói đến ba quan hệ có ý nghĩa đạo lý: cha - con, vợ - chồng, anh em. Trong mỗi cặp có bề trên và bề dưới, người dưới phải phục tùng người trên tức là con nghe cha, em nghe anh, vợ nghe chồng. Đàn bà không bao giờ là chủ gia đình: lúc còn là con gái thì phải nghe cha, lúc lấy chồng thì phải nghe chồng và khi chồng chết thì phải nghe con trai chủ gia đình là người chịu trách nhiệm về mọi người trong nhà với làng nước mà cũng là người có trách nhiệm nuôi dạy, tức là trách nhiệm cả vật chất cả tinh thần đối với mọi thành viên gia đình. Chủ gia đình là người quyết định mọi việc, làm trọng tài phân xử cho mọi người. Người cha là chủ gia đình. Khi người cha chết thì quyền đó chuyển sang người con trai trưởng. Nếu người mẹ còn sống tất nhiên người con phải tôn trọng mẹ, hỏi ý kiến mẹ, nhưng ít ra đối với mọi người anh ta đã là chủ gia đình. Con trai trưởng là người thừa tự, ở lại nhà của bố mẹ không ra ở riêng. Khi cha mẹ đã chết, dầu có đi làm ở xa thì vẫn phải có trách nhiệm chăm sóc em út. Sự phân biệt nam nữ trong việc cai quản gia đình là một sự phân biệt nguyên tắc. Việc đối ngoại như khách khứa, thăm viếng và đặc biệt là việc nước, việc làng, việc họ là việc của đàn ông. Nếu chồng chết mà con trai còn nhỏ thì phải nhờ chú bác trong họ làm thay chứ đàn bà cũng không chủ trì. Việc trong nhà thì thường người đàn ông chỉ có ý kiến còn việc nội trợ và cả việc sắp xếp làm ăn đều thuộc về người đàn bà. Tuy vậy người đàn bà vẫn làm với danh nghĩa là giúp chồng. Việc của người đàn bà là ở buồng bếp. Những người phụ nữ thuộc nhà gia giáo thường tránh đứng ngồi ở nhà thờ, nhà khách. Có tiền khách thì cũng chỉ ra đến cửa. Tuy thế trong những gia đình như thế, tay hòm chìa khóa lại ở người đàn bà người chồng giao tất cả tiền nong cho vợ và không bao giờ kiểm soát sự chi tiêu của vợ. Người đàn bà được coi là nội tướng, là chủ phụ, tuy về danh nghĩa là làm theo lời chồng, giúp chồng nhưng thực tế thì là người chủ trì việc nhà. Không ít gia đình người chồng hèn kém thậm chí vô trách nhiệm bỏ mặc mọi việc cho vợ, nhưng nếu người vợ tỏ ra quyền hành trong tay mình, lấn át chồng thì bị chê cười là không có nề nếp. Đó là tư tưởng nam tôn nữ ty, nam nữ không bình đẳng. Nhưng quan hệ giữa nam nữ phải hình dung theo quan hệ giữa âm và dương, có chủ có tùng nhưng không thể thiếu nhau mà phải dựa vào nhau. Một bên sinh một bên dưỡng, một bên bắt đầu, khởi xướng một bên hoàn thành hỗ trợ cho nhau. Cho nên trong nhà đàn ông là chủ đàn bà phải thuận tùng nhưng đàn ông phải yêu thương và kính nể vợ. Bên cạnh người chủ gia đình là đàn ông thì có người chủ phụ (mẹ, vợ hay dâu trưởng) có quyền hành trong gia đình, quyền hành chủ trì việc giúp đỡ gia trưởng trong công việc bên trong. Người đàn ông phải kính nể vợ nhưng lại có trách nhiệm dạy vợ mà người dạy thì có thể mắng chửi, đánh đập và đuổi ra khỏi nhà nữa!

Ba quan hệ cơ bản trong gia đình là cha - con, anh - em và vợ - chồng. Nhưng vì gia đình ở chung nhiều thế hệ nên quan hệ phức tạp hơn từ cha - con mà có ông cháu và hai ba lớp cha - con. Vì là đa thế nên từ vợ chồng còn có vợ cả, vợ lẽ, con vợ cả, con

vợ lẽ. Con vợ lẽ không gọi người đẻ ra mình là mẹ mà lại gọi người vợ cả của bố là mẹ. Con vợ lẽ đầu nhiều tuổi hơn vẫn là em không ngang quyền với con vợ cả. Vì đẻ nhiều nên quan hệ anh - em thành quan hệ chú, bác với cháu, quan hệ giữa anh em con chú con bác, phân biệt anh em ruột với anh em con chú con bác, anh em trong họ... Việc quy định trên dưới rõ ràng và đặt ra nghĩa vụ người dưới phải nghe theo người trên làm cho gia đình có trật tự và thành tổ chức chặt chẽ. Người trong gia đình phải ăn ở với nhau theo tình ruột thịt quy định thành những cái nghĩa thiêng liêng: nghĩa cha - con, nghĩa anh - em, nghĩa vợ - chồng trong đó lại đặc biệt nhấn mạnh hiếu để tức là về quan hệ cha con và anh em. Trong nhiều sách vở kinh điển và gia huấn người ta cũng nói nhiều về nghĩa vợ chồng, nhất là vợ đối với chồng nhưng nhiều sách gia huấn lại nhắc nhở người đàn ông phải coi trọng anh em hơn vợ “Vợ có thể thay đổi được chứ anh em không thể thay đổi được”. Có lẽ đó là sự uốn nắn đối với một xu thế thông thường cũng rất tự nhiên là khi đã có vợ, người con trai thường thân yêu vợ hơn anh em và điều đó thường dẫn đến nhạt tình máu mủ và rạn nứt trong gia đình lớn.

Gia đình tuy đông nhưng cũng thật phức tạp khi quan hệ chỉ là giữa những người máu mủ. Nó trở thành phức tạp hơn nhiều khi hôn nhân đưa thêm những người lạ vào gia đình. Đối với một gia đình, hôn nhân có hai mặt: cưới vợ cho con trai và gả chồng cho con gái. Nho giáo coi hôn nhân là hết sức quan trọng nhưng nhìn hai việc đó khác nhau. Cưới vợ cho con trai là đưa một người khác vào gia đình mình còn gả con gái là trao cho gia đình khác một sản phẩm của gia đình mình. Hôn nhân quan trọng không phải vì đó là việc quan hệ suốt đời đến hạnh phúc đôi trai gái mà vì đó là việc quan hệ đến gia đình giòng họ: lấy vợ để nuôi dưỡng cha mẹ, thờ phụng tổ tiên, sinh con nối dõi giòng giống. Con gái lấy chồng là ra khỏi gia đình của cha mẹ mà nhập vào thành người của gia đình nhà chồng. Con gái về lâu dài không thuộc về gia đình cho nên chỉ sinh con gái thì dầu có nhiều cũng coi là không có con, vẫn là mất giòng giống. Còn con dâu tuy là người lạ nhưng lại là người của gia đình, khác với người rể cũng ở trường hợp tương tự. Rể chỉ là bán tử, là con có một nửa. Dâu để tang bố mẹ chồng ba năm còn rể thì chỉ để tang bố mẹ vợ có một năm. Bố mẹ không coi trọng việc kén rể như chọn dâu và đối xử với rể cũng không thân tình như với dâu. Có những việc nhà bố mẹ giữ gìn không nói với rể mà rể cũng tránh không đi sâu vào công việc nhà vợ. Những gia đình nề nếp tiếp đón rể khách khi nghi lễ chứ không thân mật suồng sã. Hỏi dâu vì là để nối dõi tông đường nên không chỉ là việc của gia đình mà là việc của cả họ, nhất là nếu đó lại là dâu trưởng. Hôn nhân không phải do tình yêu, theo ý đôi trai gái mà do sự lựa chọn của bố mẹ: cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Rể không có quan hệ nhiều đến giòng giống họ nhà vợ cho nên họ hàng bên gái không tham gia nhiều vào việc chọn rể. Còn người dâu quan hệ nhiều đến họ hàng nên hầu như cả họ tham gia vào việc tìm kiếm, bàn bạc lựa chọn. Hôn nhân có nhiều lễ nghi phức tạp không chỉ làm cho việc lấy vợ lấy chồng thành trang nghiêm trọng thể mà còn nhằm giáo dục trách nhiệm cho vợ chồng trẻ, nhất là người vợ hiểu vai trò mới của mình trong gia đình. Sau khi về nhà chồng người dâu mới thường trải qua một thời kỳ bị theo dõi, thử thách có thể coi là giáo dục lại để có thể “nhập gia tùy tục” sống đúng cung cách nhà chồng. Vào sống một nhà lạ, người dâu mới thường gặp những quan hệ xưa nay vẫn được coi là khó khăn: quan hệ mẹ chồng - nàng dâu, quan hệ với em trai và em gái và quan hệ chị em dâu. Giữa em gái với chị dâu, chị dâu với em dâu thường phát sinh ra những xung đột nhiều khi dẫn đến cãi cọ, lôi kéo theo cả những người đàn ông trong gia đình. Người con gái từ khi về nhà chồng cho đến khi thoát khỏi cảnh làm dâu là một đoạn đời phải chịu đựng, nín nhịn mất tự do.

2. Dùng Tình, Nghĩa và Lễ để xây dựng gia đình.

Gia đình nhất là gia đình nhiều thế hệ có lắm quan hệ nên giữ được hòa thuận như mong muốn tề gia để trị quốc theo lý tưởng Nho giáo là việc rất khó. Trong gia đình, nhiều chuyện nhỏ nhặt cũng dễ dẫn đến xích mích, xung đột, dễ cãi vã, bất hòa. Cách tề gia chính là sắp xếp và giải quyết các quan hệ để tránh xung đột bất hòa.

Cách thực hiện là làm cho gia đình có chủ, là trật tự trên dưới phân minh, người dưới phải nghe theo người trên, không có tình trạng “cá đối bằng đầu”, không ai chịu nghe ai. Nhưng quan hệ trên dưới đó lại là một quan hệ theo tình, nảy sinh từ công ơn sinh thành, dưỡng dục. Đó là tình cha con, tình anh em. Đó là thứ tình cảm tự nhiên, con người sinh ra đã có. Mạnh Tử nơi sinh ra ai chẳng yêu cha mẹ, ai chẳng kính anh, theo anh và đó là mầm mống của cái Thiện trong mọi người. Người ta yêu cha mẹ và kính anh không phải mưu cầu một việc lợi lộc gì cả. Giữa cha con, anh em yêu thương nhau, giúp đỡ nhau không những không tính toán mà cũng không suy xét theo sự vừa phải, sự tương ứng. Giữa cha con, anh em chỉ có thương yêu và không bao giờ là quá cả. Ở đây là tình chứ không phải là lý, không phải là chỗ của công bằng, song phẳng. Vì một lý do nào đó cha có thể ghét con, đối xử không công bằng với con nhưng con không phải vì thế mà không yêu cha mẹ. Theo tình cha con, theo đạo hiếu, người con không phán xét hành vi cha mẹ theo lẽ phải, khi cha mẹ làm sai cũng không đứng về phía lẽ phải để lên án, để chống lại. Trong trường hợp đó người con phải hết sức khuyên ngăn, nhưng nếu cha mẹ không chịu nghe thì con phải làm theo ý cha mẹ. Đối với cha mẹ, người con phải hiếu tức là hết lòng kính yêu, chiều chuộng, vì lòng biết ơn sinh thành mà săn sóc tỉ mỉ chu đáo. Còn đối với con, cha mẹ phải từ, tức là yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Đó là quan hệ trên dưới nhưng vì hai bên hết lòng vì nhau và ân tình sâu nặng nên sự cách biệt trên dưới không lộ ra. Từ và hiếu cũng là mẫu mực cho tình cảm trên dưới giữa anh và em, giữa chồng và vợ. Người trong nhà có điều sai thì “đóng cửa bảo nhau” chứ không đem ra nói với người ngoài. Trong gia đình cư xử với nhau theo tình chứ không theo lý thành một thứ nguyên tắc, phân biệt người nhà với người ngoài. Từ “tình” mà thành “nghĩa”, ý thức về nhiệm vụ đối với nhau tương xứng với tình. Nghĩa được quy định thành “Lễ”, cách đối xử cụ thể chi tiết trong từng trường hợp: thăm viếng, đứng ngồi, xưng hô, thưa gửi và nhất là tang lễ, cúng tế. Nho giáo rất quan tâm đến lễ nghĩa lý tức là cách giải thích lý do lựa chọn những nhiệm vụ những lễ tiết, nội dung tinh thần của những qui định đó mà cũng tức là cách biểu hiện của tình ở trong đó. Nho giáo cũng rất quan tâm đến lễ nghi tức là cách biểu đạt lòng thương yêu, sự hòa mục, thái độ kính nhau, nhường nhau thành những nghi thức đẹp. Từ những chuyện nhỏ nhặt như rót một chén nước, xới một bát cơm, thăm hỏi lúc ngủ, lúc dậy, đứng ngồi nói chuyện với nhau... cũng đều kèm theo những nghi thức thể hiện tình cảm chu đáo và trên dưới phân minh. Mỗi thành viên đều biết nhiệm vụ, lễ tiết và nghi thức đối với từng người trong từng trường hợp và tự giác làm, tạo thành nề nếp của gia đình. Con người trong gia đình coi trách nhiệm với gia đình cao hơn hạnh phúc cá nhân, coi lễ nghĩa cao hơn tình cảm riêng. Yêu thương vợ nhưng điều đó không được cao hơn lòng quý trọng anh chị, hiếu kính cha mẹ. Gia đình nề nếp là gia đình trong đó mọi người làm lụng, học hành tổ chức được cuộc sống ổn định và các thành viên hòa thuận giữ đúng lễ nghĩa.

Muốn thành gia đình nề nếp việc quan trọng nhất là cha mẹ phải giáo dục con cái. Đó là trách nhiệm của người cha, người gia trưởng. Gia đình nề nếp đòi hỏi một người gia trưởng quan tâm đến gia đình, có trách nhiệm, gương mẫu, công minh và có

uy tín. Cả nhà phải tỏ lòng kính trọng uy quyền của người cha trong gia đình, nhất là người mẹ không bao giờ cãi chồng trước mặt con cái. Tránh việc giáo dục con cái, người cha phải nghiêm, nói ít nhưng đúng, công bằng và dứt khoát, thương con nhưng cương quyết không để cho con nhờn, tự ý muốn làm gì thì làm. Người mẹ cũng có vai trò rất lớn trong việc giáo dục con cái nhưng lại giáo dục cách khác: giáo dục bằng lòng thương, bằng sự hiền từ. Người cha nghiêm làm con sợ, người mẹ hiền từ làm con yêu mến, không dám và không nỡ làm bậy. Người mẹ có vai trò quyết định trong việc giáo dục con gái. Con trai được cho đi học, còn con gái chỉ học ở mẹ. Từ nhỏ bà mẹ đã chú ý rèn luyện cho con bắt đầu giúp mẹ các việc vặt rồi thức khuya, dậy sớm làm công việc nội trợ, may vá, chợp búa, sắp xếp việc gia đình. Nội dung dạy dỗ của người mẹ tóm lại là tứ đức của người con gái, dung, công, ngôn, hạnh. Nữ dung là dạy trau dồi vẻ đẹp từ dáng đi đứng, cách ăn mặc đến cách trang điểm làm sao cho gọn gàng, sạch sẽ, nghiêm chỉnh đi đứng khoan thai, vẻ mặt dịu dàng, tươi cười, ăn mặc trang nhã... Nữ công dạy cách vá may, làm các công việc nội trợ, làm cỗ bàn cúng tế, tiếp khách... Nữ ngôn dạy cách ăn nói, ứng xử với mọi người, tránh những lời thô tục, chua ngoa, đánh đá làm bà con, làng nước khó chịu, biết thưa gửi, ứng đối lịch sự, khôn khéo. Nữ hạnh nói về đạo đức, trước hết là đức tính hiền từ, rộng rãi, biết thương người, giúp đỡ người, không cay nghiệt, độc ác, không kiêu sa, ghen tuông. Phẩm chất quan trọng của người đàn bà, theo các nhà nho đó, trước hết là hiền hòa, tế nhị. Cho nên cả những phẩm chất rất quý ở người đàn ông như sắc sảo, cương trực thì ở đàn bà cũng không phải là tốt. Đó là công phu chuẩn bị cho con gái làm vợ, làm mẹ lo việc gia đình. “Đức hiền tại mẫu” con gái hiền đức là do người mẹ. Người ta nhìn người mẹ mà đánh giá con gái, mà khi chọn dâu người ta cũng chọn người con gái có khả năng làm mẹ tốt. Trong hôn nhân người ta thường quan tâm “môn đăng hộ đối” tức là gia thế hai bên ngang nhau. Nhưng tất nhiên người ta quan tâm hơn đến bản thân người con gái. Người ta cũng cân nhắc về danh giá, tài sản, sắc đẹp nhưng những cái đó không quan trọng bằng “phúc” và “đức” tức là những người có đức hạnh con nhà hiền lành, cha ông trước không độc ác, không gây ra tội ác vì tin rằng người hiền lành sẽ có phúc, người độc ác sẽ có tội, mà phúc hay tội để lại cho con cháu. Người ta cũng không thích những người vụng; những người chậm làm ăn kém nhanh nhẹn khéo léo nhưng người ta lại ngại ngần hơn đối với những người kiêu kỳ, hay ghen tuông, khắc nghiệt, ăn nói đánh đá, chua ngoa. Con dâu là người sẽ sinh con đẻ cháu nối dài giòng giống nên ảnh hưởng quyết định đến việc làm cho gia đình tốt hay xấu về sau. Được coi là gia đình tốt hay có phúc là những gia đình đông con cháu, có cửa, có danh vọng, nhiều người sống lâu, trong nhà hòa thuận và sống hiền lành phúc đức, con cháu học hành nên người. Những hiện tượng xấu bị coi là dấu hiệu gia đình suy vong là trong nhà có người cờ bạc rượu chè, độc ác, phải tù tội, có đàn bà ngoại tình, có con bất hiếu, anh em bất hòa cãi lộn nhau... Có con dâu hư, con dâu đoảng, không biết làm ăn, không biết cư xử làm mất lòng bà con láng giềng cũng coi là nguy cơ suy thoái.

Nguyên tắc xây dựng gia đình nề nếp là nam tôn nữ ty nhưng trong thực tế thì cả trong việc quản lý cả trong việc giáo dục con cái, người đàn bà giữ vai trò rất quyết định, nhiều khi còn quyết định hơn cả người đàn ông gia chủ. Có người nội trợ giỏi thì gia đình đầm ấm, nên nổi. Trong dư luận và trong nhiều gia phổ người ta nhắc đến công giáo dục con cái và gây dựng của nhiều người đàn bà làm cho nhà hưng thịnh. Và trong những gia đình nề nếp không ai vì nguyên tắc nam tôn nữ ty mà coi thường người đàn bà. Nhưng điều đó cũng biểu hiện một cách có nề nếp: chồng tôn

trọng và nề vợ, con tôn kính mẹ, cha mẹ, đầu tin yêu con trai con gái của mình, cũng giao việc nhà cho con dâu tức là tôn trọng chức năng người chủ phụ.

Gia đình nề nếp là loại gia đình trước đây coi là mẫu mực tốt đẹp chung cho mọi loại gia đình quan lại hay dân dã. Trong thực tế, đó là mẫu hình gia đình nhà nho và xây dựng theo tư tưởng Nho giáo. Loại gia đình quyền quý bao giờ cũng xây dựng gia đình theo mẫu này, nhưng vì quan hệ với họ hàng và tôi tớ phức tạp hơn, vị thế xã hội cao hơn nên rất quan tâm đến uy tín, đến hình thức bên ngoài nên đề cao gia thanh phong một cách quá mức dẫn đến những gia pháp nghiêm khắc độc ác, đến những lễ nghi phiền toái rắc rối, nhiều khi đi xa nội dung tình nghĩa tự nhiên và đè nặng lên cuộc sống của các thành viên gia đình. Loại gia đình nông dân, khi trong nhà làm ăn đã dư dật, cũng theo con đường “phú quý sinh lễ nghĩa” cho con đi học, hỏi dần từ gia đình nề nếp nhà nho và gia đình cũng chuyển dần từ xây dựng theo mẫu nề nếp như vậy. Nhưng trong những gia đình như vậy gia thanh, gia phong chưa phải là lớn thì gia pháp, nghi lễ cũng đơn giản đi.

Các loại gia đình truyền thống thích ứng với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa hình thành trong lịch sử lâu dài. Gia đình trung nông để lại kinh nghiệm tổ chức sản xuất gia đình thì gia đình nhà nho để lại kinh nghiệm tổ chức nội bộ nhằm đạt được hòa thuận, êm ấm.

*

* *

Gia đình truyền thống như miêu tả ở trên tồn tại ít thay đổi cho đến cuối thế kỷ XIX. Từ đầu thế kỷ XX đến nay, xu hướng Âu hóa, thực tế kháng chiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã làm thay đổi khá nhiều. Tuy vậy việc hiện đại hóa gia đình, về căn bản cũng là tiếp tục xử lý những vấn đề do gia đình truyền thống như thế đặt ra.